

AN NINH DẦU MỎ VÀ CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG QUỐC

PHẠM SỸ THÀNH (*)

Theo báo cáo “Triển vọng năng lượng thế giới 2030” của BP, đến năm 2030, Trung Quốc sẽ trở thành quốc gia tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới. Trong khi đó, theo đánh giá của cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đưa ra năm 2007, Trung Quốc sẽ vượt Mỹ để trở thành quốc gia tiêu thụ năng lượng nhiều nhất thế giới không lâu sau năm 2010. Những đánh giá này hoàn toàn có cơ sở (dù thời gian để trở thành hiện thực có khác nhau) khi chúng ta theo dõi mức độ tăng chóng vánh về tiêu thụ năng lượng của Trung Quốc, kể từ khi nước này tiến hành cải cách mở cửa năm 1978. Tình trạng thiếu hụt năng lượng sơ cấp của Trung Quốc đã diễn ra và chắc chắn đang trầm trọng thêm. Trong đó, thiếu hụt dầu mỏ là một thách thức lớn - đối với Trung Quốc và khu vực. Bài viết phân tích những thách thức chủ yếu đối với việc đảm bảo an ninh dầu mỏ của Trung Quốc và giới thiệu các chính sách nhằm đối phó với tình trạng thiếu hụt dầu mỏ mà quốc gia này đã thực hiện trong thời gian qua.

Trung Quốc đã tăng trưởng với tỷ lệ 9,6%/năm trong suốt thời kỳ 1978-2011, gần gấp đôi so với con số 5,1%/năm trong giai đoạn 1952-1977. Tốc độ tăng trưởng đó giúp Trung Quốc vượt qua Nhật Bản để trở thành nền kinh tế có quy mô GDP lớn thứ hai trên thế giới vào năm 2010. Thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc vào năm 2011 đã vượt 5.400 USD, trong khi con số này của năm 1952 chỉ là 4,55 USD/người^(*). Tuy nhiên, để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng kinh ngạc như thời gian qua, Trung Quốc đã phải tiêu thụ một lượng năng lượng khổng lồ - điều mà bản thân các nhà lãnh đạo

của nước này cũng ý thức được là một sự phát triển không bền vững và không thể kéo dài. So với các nước khác trong BRICS (tên gọi của các nước có nền kinh tế mới nổi), mức độ tiêu thụ năng lượng sơ cấp của Trung Quốc đã tăng từ 522 triệu tấn dầu quy đổi (mtoe) (năm 1985) lên 2,61 tỷ tấn dầu quy đổi (năm 2011) (xem: 1). Trong khi, quốc gia có quy mô dân số tương đương là Ấn Độ chỉ tiêu thụ hết 559 mtoe vào năm 2011 (tương đương mức tiêu thụ của Trung Quốc năm 1985) (xem: 1). Trung Quốc hiện đã vượt Nhật Bản để trở thành quốc gia

(*) Tỷ giá thời điểm đó là 1 USD = 26,17 CNY.

(*) Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES), Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

tiêu thụ dầu mỏ lớn thứ hai trên thế giới (với mức độ tiêu thụ gần 10 triệu thùng/ngày). Với tốc độ tiêu thụ năng lượng như vậy, Trung Quốc sẽ gặp phải nhiều vấn đề về an ninh năng lượng khi dân số đang tiếp tục tăng lên, mức độ đô thị hóa ngày một cao (năm 2010 đã chạm ngưỡng 50%) và nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong nước tăng tỷ lệ thuận với mức độ tăng trưởng kinh tế. Theo ước tính, đến năm 2030 tiêu thụ năng lượng sơ cấp của Trung Quốc sẽ còn tăng gần gấp đôi, lên mức 4,5 tỷ tấn dầu quy đổi (xem: 2). Đáng chú ý là cùng với việc tiêu thụ than đá (coal) vẫn sẽ chiếm khoảng 60-70% tổng mức tiêu thụ năng lượng sơ cấp thì thiếu hụt dầu mỏ sẽ ngày càng trầm trọng và quyết định nhiều đến mức độ mất ổn định về an ninh năng lượng của Trung Quốc trong tương lai.

I. Những thách thức đối với an ninh dầu mỏ của Trung Quốc trong tương lai

1. Mức thiếu hụt (chênh lệch giữa sản xuất trong nước và tiêu thụ) ngày càng lớn

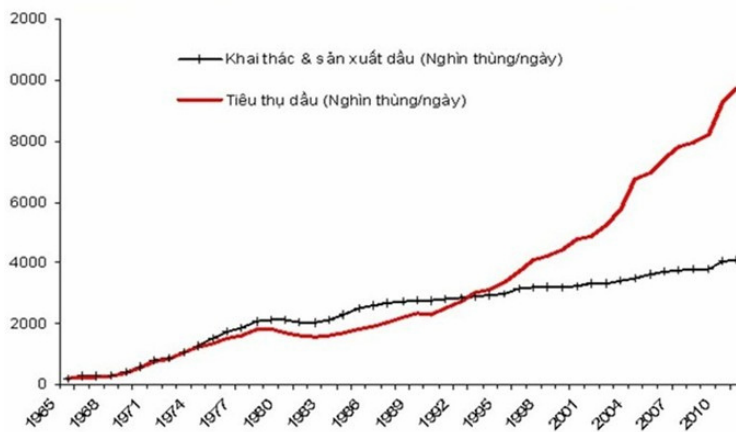
Trong cơ cấu khai thác và sử dụng năng lượng sơ cấp của Trung Quốc, than đá là dạng năng lượng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tỷ trọng khai thác than đá đã giảm từ 96% (năm 1953) xuống còn khoảng 70% (hiện nay) do khai thác và sử dụng dầu mỏ của Trung Quốc đã tăng mạnh kể từ khi nước này phát hiện ra mỏ Đại

Khánh vào những năm 1960. Năng lực khai thác và thăm dò của Trung Quốc đã phát triển mạnh, năm 2011, Trung Quốc mỗi ngày khai thác được 4 triệu thùng (tương đương 1,4 tỷ thùng/năm) (xem: 1). Dự tính khả năng khai thác trong nước sẽ duy trì ở mức 3,5 - 3,9 triệu thùng/ngày (2015 - 2030). Trong khi đó, sau một thời gian dài tự đảm bảo được nguồn cung dầu mỏ trong nước, kể từ năm 1993, Trung Quốc chính thức trở thành nước nhập siêu dầu mỏ (hình 1).

Năm 2011, Trung Quốc tiêu thụ 9,76 triệu thùng/ngày hoặc 3,51 tỷ thùng/năm (xem: 1). Như vậy, mỗi ngày nước này nhập siêu 5,76 triệu thùng hoặc 2,1 tỷ thùng/năm.

Thiếu hụt dầu mỏ của Trung Quốc trong tương lai sẽ trở nên trầm trọng hơn và mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu từ bên ngoài sẽ tăng mạnh. Như trên đã nêu, năm 1993, Trung Quốc chính thức nhập siêu về dầu mỏ. Kể từ đó đến nay, mức độ mất cân bằng giữa cung (supply) và cầu (demand) về dầu của Trung Quốc ngày càng bị nới rộng.

Hình 1: Khai thác, sản xuất và tiêu thụ dầu của Trung Quốc (1965-2011) (1)



Theo ước lượng của chúng tôi, đến năm 2030, mỗi ngày Trung Quốc sẽ phải nhập khẩu 12,6 triệu thùng^(*). Ước lượng về lượng dầu nhập khẩu năm 2030 của BP (xem: 2) là 8 triệu thùng/ngày, của IEA (xem: 7) là 13 triệu thùng/ngày. Với việc phải nhập khẩu dầu từ bên ngoài ngày càng nhiều nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, thì mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu dầu mỏ^(**) của Trung Quốc đã tăng mạnh từ 6,7% (năm 1993), lên 55,2% (năm 2011)^(***), và có thể tăng lên 64,5% vào năm 2020 theo tính toán của chúng tôi. Điều đáng chú ý là, sự gia tăng về mức độ phụ thuộc đã tăng rất nhanh trong thời gian 10 năm đầu thế kỷ XXI. Nếu tính từ thời điểm Trung Quốc bắt đầu nhập siêu về dầu thô (năm 1993), để mức độ phụ thuộc tăng

từ 6,7% lên 26,6% chỉ mất 7 năm, nhưng tăng gấp đôi từ mức 26,6% chỉ mất 6 năm (2000 - 2006).

2. Phụ thuộc vào nguồn cung Trung Đông và khó khăn trong việc đa dạng hóa nguồn cung

Phụ thuộc vào nguồn cung dầu từ Trung Đông đã làm gia tăng các rủi ro. Năm 2011, Trung Quốc nhập khẩu từ Trung Đông 137,8 triệu tấn dầu (xấp xỉ 980 triệu thùng), chiếm 42% lượng dầu nhập khẩu từ bên ngoài. Số liệu thống kê cho thấy, trong các năm trước gần 50% lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc đến từ các nước Trung Đông - nhiều thứ hai trên thế giới chỉ sau Nhật Bản, trong khi tỷ trọng này của Mỹ chỉ có khoảng 12 - 15%. Điều này khiến việc đảm bảo an ninh năng lượng dầu mỏ

Bảng 1: Định tuyến của Trung Quốc nếu không qua eo biển Malacca

Tên	Lượng dầu vận chuyển (2006) (triệu thùng/ngày)	Xuất xứ nguồn dầu	Điểm đến chính	Những tuyến đường thay thế của Trung Quốc nếu không qua eo biển Malacca
Eo biển Hormuz	16,5-17	Các quốc gia vùng vịnh Ba Tư bao gồm Saudi Arab, Iran và UAE	Nhật Bản, Mỹ, Tây Âu, một số quốc gia Đông Nam Á	Đường ống Đông-Tây qua Trung Á (tuyến Turkmenistan-Kazakhstan-Tân Cương)
Eo biển Malacca	15	Các quốc gia vùng vịnh Ba Tư, Tây Phi	Tất cả các quốc gia tiêu thụ ở châu Á Thái Bình Dương bao gồm Nhật Bản và Trung Quốc	Định tuyến lại qua Lombok hoặc eo biển Sunda ở Indonesia và Thailand; đi qua Myanmar vào Côn Minh

(*) Ước lượng này được tính toán dựa trên một số giả định như GDP giai đoạn này là 5%/năm, tăng dân số tự nhiên 0,3%/năm, tăng trưởng tiêu thụ dầu mỏ là 5%/năm và năm nhập khẩu cơ bản (2011) là 5,72 triệu thùng/ngày.

(**) Tính bằng tỷ trọng dầu nhập khẩu trên tổng mức tiêu thụ trong nước.

(***) Với tỷ lệ này thì Trung Quốc đã vượt Mỹ trở thành nước có mức độ phụ thuộc nhập khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới vào năm 2011.

của Trung Quốc gặp phải thách thức lớn nếu khu vực Trung Đông xảy ra những bất ổn. Để hạn chế điều này, Trung Quốc đã chuyển hướng sang nhập khẩu dầu mỏ nhiều hơn từ Nga, vùng Trung Á, Nam Mỹ và Canada. Nhưng sự chuyển dịch cơ cấu nhập khẩu này không dễ. Trong thời gian gần đây, Trung Quốc đã nỗ lực nâng mức nhập

khẩu dầu mỏ từ châu Phi lên mức xấp xỉ 20% và từ Nga lên mức xấp xỉ 15%, nhưng nhập khẩu từ Trung Đông vẫn chiếm tới 40%.

3. Tầm quan trọng của eo biển Malacca đối với an ninh dầu mỏ Trung Quốc

80% dầu nhập khẩu của Trung Quốc từ châu Phi và Trung Đông hiện nay được vận chuyển trên biển và đều qua eo biển Malacca. Bốn cảng nhận dầu của Trung Quốc đều nằm ở duyên hải Đông Nam nước này (bao gồm: Đại Liên, Sơn Đông, Thượng Hải và Phúc Châu). Điều này cho thấy an ninh hàng hải qua eo biển Malacca có tầm quan trọng như thế nào đối với Trung Quốc. Để đảm bảo an ninh trong việc vận chuyển dầu, Trung Quốc đã khởi động các chương trình xây dựng đường ống trên đất liền (như chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau) qua một loạt nước Trung Á và Đông Nam Á^(*).

II. Những chính sách của Trung Quốc

1. Chính sách trong nước

Để đảm bảo có thể giảm thiểu mức độ nghiêm trọng của tình trạng thiếu hụt năng lượng trong tương lai, đặc biệt là dầu mỏ, Trung Quốc đã triển khai cùng lúc nhiều chính sách, trong đó nổi bật là các chính sách nhằm:

- Tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải.
- Xây dựng kho dự trữ chiến lược.
- Cải cách giá cả trên thị trường năng lượng trong nước. Đây là một giải pháp quan trọng nhằm hạn chế tác

động tiêu cực của thiếu hụt năng lượng. Bởi lẽ, khi giá năng lượng (ví dụ: gas, xăng, dầu diesel, than đá) trong nước bị định giá theo giá hành chính, chậm thay đổi và đặc biệt là các khoản trợ giá của Chính phủ khiến cho mức giá trong nước thấp hơn giá thực tế của thế giới thì vấn đề thiếu hụt năng lượng trong nước sẽ thêm trầm trọng khi người tiêu dùng không có thói quen tiết kiệm trong việc sử dụng và nạn buôn lậu có thể diễn ra. Đối với Trung Quốc, do nhiều nguyên nhân về mặt chính sách, quốc gia này đã duy trì một thị trường năng lượng

Bảng 2: Biến đổi giá năng lượng sơ cấp Trung Quốc (1971 – 2010)^(*) (6)

	1971	1995	2010	2020f
GDP theo PPP	484	3404	15000	n.a.
GDP bình quân (nghìn)	0,57	2,82	4,8	9,3
Giá than (mỗi tấn)	44	40	42	48
Giá dầu (mỗi thùng)	6	15	17	30
Giá gas (mỗi tấn quy đổi)	n.a.	126	141	210

Formatted: Justified, Space Before: 6 pt, After: 2 pt, Line spacing: Exactly 12 pt, Tabs: 1 cm, Left

với mức giá cả hành chính trong một thời gian dài và rất thấp khiến người Trung Quốc ít có thói quen tiết kiệm và sử dụng hiệu quả khi tiêu thụ năng lượng - đặc biệt là xăng, dầu (bảng 2).

Từ năm 2010, Trung Quốc đã tiến hành cải cách giá xăng dầu theo hướng thị trường hóa và giá xăng trong nước đã tăng lên đáng kể so với mức giá hành chính. Điều này sẽ tác động nhất định đến thói quen tiêu dùng của người Trung Quốc nhưng cũng cần chú ý rằng, những cải cách theo hướng thị trường hóa trong

^(*) Ngoài Myanmar, Trung Quốc đã thảo luận với Thailand một kế hoạch xây dựng đường ống dẫn dầu và khí đốt qua lãnh thổ nước này.

^(*) PPP: tính theo sức mua ngang giá; cột 2, 3: đều tính theo giá USD năm 1990; 2020f: dự tính.

lĩnh vực giá cả năng lượng ở Trung Quốc sẽ vấp phải những trở ngại sau:

- Chủ nghĩa dân túy phúc lợi.
- Những lo ngại về ổn định kinh tế vĩ mô và lạm phát.
- Sản xuất điện chủ yếu vẫn dựa vào than đá (40 - 50% than đá được sử dụng để sản xuất điện).

2. Chính sách ngoại giao dầu mỏ

Những chương trình ngoại giao năng lượng - mà ngoại giao dầu mỏ là một phần quan trọng trong đó - đã được đẩy mạnh giữa Trung Quốc với nhiều quốc gia trên thế giới và được hiện thực hóa bởi những tập đoàn dầu khí lớn nhất của quốc gia này.

Bảng 3: Một số mô hình triển khai của chính sách ngoại giao năng lượng của Trung Quốc tại nước ngoài (3)

Đặc điểm mô hình	Ví dụ thực tế
Mô hình 1: Quan hệ đặc biệt với một nhà sản xuất chính	
Người mua (và/hoặc chính quyền nước họ) đầu tư vốn cổ phần để lập quan hệ đặc biệt với một nhà sản xuất chính nhằm mua một phần sản lượng theo những điều kiện tương đương với điều kiện dành cho các đồng chủ sở hữu khác.	Sinopec và CNOOC mua 2/3 lợi ích 30% của công ty Mỹ Marathon Oil Corporation để khai thác dầu ở Angola, 2004 - 2009. Tháng 1/2006, CNOOC mua 45% lợi ích trên mỏ dầu Akpo, Nigeria. Từ 2009, CNOOC được cung cấp mỗi năm 35% sản lượng dầu của mỏ, tức 79.000 thùng/ngày.
Mô hình 2: Quan hệ đặc biệt với một nhà sản xuất độc lập	
Người mua (và/hoặc chính quyền nước họ) đầu tư vốn cổ phần để lập quan hệ đặc biệt với một nhà sản xuất độc lập, cũng nhằm mua một phần sản lượng theo những điều kiện tương đương với điều kiện dành cho các đồng chủ sở hữu khác.	Tháng 12/1996, CNPC tham gia thành lập công ty GNPOC ở Sudan với 40% vốn. Tháng 10/2001, CNPC và Sinopec hùn vốn với Petronas của Malaysia và hai công ty khác thành lập Petrodar Operating Company ở Sudan, với 41% cho CNPC và 6% cho Sinopec. Tháng 10/2002, CNOOC mua 5,3% lợi ích trong consortium North West Shelf Venture của Australia. CNOOC được cung cấp 3,3 triệu tấn khí lỏng trong 25 năm. CNOOC đề nghị trả 18,5 tỷ USD để mua lại công ty Mỹ Unocal, năm 2005 (thất bại). Tháng 8/2005, CNPC đề nghị trả 4,18 tỷ USD để mua lại PetroKazakhstan. Từ năm 2006, Kazakhstan là một trong những nguồn nhập dầu chính của Trung Quốc. Tháng 12/2007, Sinopec đầu tư 2 tỷ USD mua 51% vốn để khai thác mỏ dầu Yadaravan ở Iran - nguồn nhập dầu thứ ba của Trung Quốc, sau Saudi Arabia và Sudan. Tháng 8/2009, Sinopec mua lại công ty Addax Petroleum của Canada với giá 7,2 tỷ USD. Addax khai thác các mỏ dầu ở châu Phi và Trung Đông, sản xuất 136.500 thùng dầu/ngày, tức khoảng 1,7% nhu cầu của Trung Quốc. Tháng 6/2009, CNPC ký hợp đồng 4,7 tỷ USD với công ty National Iranian Oil Company để khai thác mỏ khí đốt Nam Pars, Iran. Tháng 9/2009, CNPC mua 70% lợi ích trên mỏ khí đốt Nam Azadegan, Iran, sau khi đã trả 1,76 tỷ USD để khai thác mỏ Bắc Azadegan.

Mô hình 3: Cho một nhà sản xuất chính vay vốn, trả lại bằng sản phẩm	
Người mua (và/hoặc chính quyền nước họ) cho một nhà sản xuất chính vay vốn, trả lại trong khuôn khổ hợp đồng mua.	Tháng 2/2009, China Development Bank cho hai công ty Rosneft và Transneft và Nga vay 25 tỷ USD trên 20 năm. Đổi lại Transneft xây dựng và quản lý ống dẫn dầu dài 4.857 km từ Skovorodino (Đông Siberia) đến thành phố Đại Khánh, tỉnh Hắc Long Giang. Theo hợp đồng, Nga sẽ cung cấp cho Trung Quốc 15 triệu tấn dầu (300.000 thùng/ngày) mỗi năm trong 20 năm.
Mô hình 4: Cho một nhà sản xuất độc lập vay vốn, trả lại bằng sản phẩm	
Người mua (và/hoặc chính quyền nước họ) cho một nhà sản xuất độc lập vay vốn, trả lại trong khuôn khổ hợp đồng mua.	Tháng 5/2009, công ty dầu Petrobras của Brazil thông báo được China Development Bank cho vay 10 tỷ USD trên 10 năm. Đổi lại, Petrobras cung cấp cho Sinopec 150.000 thùng dầu/ngày năm đầu tiên và 200.000 thùng/ ngày trong 9 năm kế tiếp.

Chú thích: Tập đoàn Dầu khí Ngoại khơi Quốc gia Trung Quốc; CNPC: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc; GNPCC: Công ty Dầu khí Quốc gia Sudan; Sinopec: Tập đoàn Dầu khí và Hóa chất Trung Quốc; Unocal : Liên minh Công ty Dầu khí California.

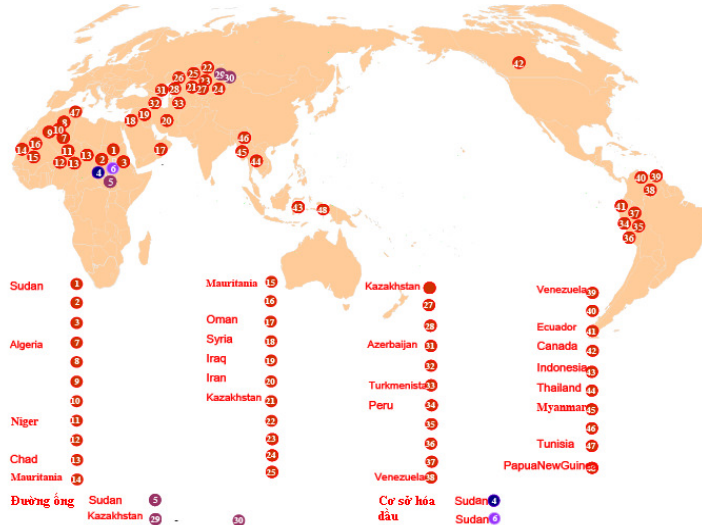
Các hình thức “ngoại giao năng lượng” được triển khai gồm có: hợp tác cùng khai thác; đổi năng lượng lấy viện trợ; và mua lại và sáp nhập (M&A).

Do dung lượng của bài viết, tôi không đi sâu vào phân tích tình hình thực hiện cụ thể của từng hình thức mà sẽ phân tích khái quát các kết quả hợp tác đã đạt được giữa Trung Quốc với các nước trên thế giới theo khu vực địa lý nhằm đưa ra một phác thảo ban đầu về “bản đồ hợp tác dầu mỏ của Trung Quốc với thế giới”.

Hình 2 đã phần nào phác họa mức độ “lan tỏa” của chính sách ngoại giao năng lượng của Trung Quốc ở nước

Hình 2: Đầu tư khai thác, hóa dầu và khí đốt của CNPC tại nước ngoài (năm 2007)^(*)

Formatted: Centered, Space Before: 4 pt



Nguồn: Thiết lập theo thông tin từ trang web của CNPC (2007)

ngoài. Những khu vực có mật độ đầu tư - hợp tác - khai thác năng lượng dày đặc của Trung Quốc chủ yếu gồm: Trung Á, Trung Đông, Bắc Phi và Mỹ Latin.

(*) Tên gọi và đường biên giới trong hình không phản ánh quan điểm của tác giả, của tổ chức và của BBT.

2.1. Với Trung Á

Khu vực Trung Á gồm có 5 quốc gia Kazakhstan, Uzbekistan, Kyrgyzstan, Tajikistan và Turkmenistan, có vị trí địa chiến lược, nằm giữa ngã ba châu Á - châu Âu và Trung Đông. Vì vậy, mặc dù ít được nhắc đến trên bản đồ năng lượng thế giới vì có trữ lượng dầu thô kém xa so với khu vực Trung Đông, nhưng đối với Trung Quốc, Trung Á có vị trí chiến lược trong những tính toán về an ninh năng lượng bởi khu vực này là cầu nối giữa Trung Quốc - người tiêu thụ - với Trung Đông - nhà cung cấp.

Về dầu mỏ, Kazakhstan có trữ lượng 30 tỷ thùng, Turkmenistan và Uzbekistan chỉ có 600 triệu thùng, còn về khí đốt thì Turkmenistan có trữ lượng 24.300 tỷ m³, xếp thứ 4 trên thế giới (xem: 1). Sáng kiến thành lập Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) là một nỗ lực của Trung Quốc trong việc gắn kết các nước Trung Á vào quỹ đạo hợp tác với quốc gia này. Trong nhiều mục tiêu hình thành của tổ chức này thì đối với Trung Quốc, đảm bảo nguồn cung dầu mỏ và khí đốt từ các nước này không quan trọng bằng việc đảm bảo các quốc gia này sẽ hợp tác và cho phép Trung Quốc xây dựng các tuyến đường ống dẫn dầu và khí đốt đi qua lãnh thổ của mình.

Điều này lý giải vì sao Trung Quốc rất tích cực triển khai các hoạt động của SCO trong khi Nga - một nước ít nhiều bị ảnh hưởng bởi việc Trung Quốc gia

tăng ảnh hưởng tại Trung Á - lại tỏ ra kém hào hứng hơn^(*). Tại Hội nghị Thượng đỉnh SCO tổ chức tại Uzbekistan năm 2004, Trung Quốc nhận định rằng lần đầu tiên hợp tác năng lượng đã trở thành một trong những vấn đề nóng nhất trong chương trình nghị sự của SCO. Trung Quốc cũng thúc đẩy việc thành lập “Câu lạc bộ năng lượng” - được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh SCO năm 2007 nhằm phối hợp và phát triển các dự án năng lượng vì lợi ích của các nước thành viên, đồng thời đề nghị thành lập một Ngân hàng Phát triển SCO, trong đó Trung Quốc cung cấp phần lớn số vốn ban đầu của ngân hàng này.

Hiện nay, đã hình thành một con đường tơ lụa mới với tên gọi “con đường tơ lụa về năng lượng” (hình 3). Điều này

Hình 3: Đường ống dẫn dầu và khí đốt từ Trung Đông và Trung Á đến Trung Quốc^() (6)**



^(*) Ảnh hưởng của Trung Quốc tại Trung và Tây Á khiến Nga mất thế độc quyền khai thác tại khu vực này, đồng thời mất quyền trong thương mại năng lượng với Trung Quốc.

^(**) Tên gọi và đường biên giới trong hình không phản ánh quan điểm của tác giả, của tổ chức và của BBT.

đã thành hiện thực nhờ những chương trình hợp tác xây dựng các đường ống dẫn dầu và khí đốt dày đặc giữa Trung Quốc với các nước Trung Á và Trung Đông.

Trong số các nước Trung Á thì hợp tác giữa Trung Quốc và Kazakhstan chủ yếu vào lĩnh vực đường ống dẫn dầu, trong khi hợp tác với Turkmenistan lại chủ yếu là khai thác và đường dẫn khí. Đường ống dẫn dầu Kazakh dài 2.200 km chạy từ bờ biển Caspian của Kazakhstan tới Alashankou của khu tự trị Tân Cương Trung Quốc, có thể cung cấp dầu trực tiếp cho Trung Quốc, có công suất thiết kế từ 800.000 đến 1 triệu thùng/ngày. Sau nhiều lần đình lại, tháng 9/2004 đường ống này đã được khởi công. Cuối tháng 5/2006, Trung Quốc đã nhận được dầu từ Kazakh lần đầu tiên qua đường ống dẫn Atasu-Alashankou. Dự án này có công suất ban đầu có thể vận chuyển 200.000 thùng dầu thô/ngày. Ngoài ra, CNPC đã mua lại PetroKazakhstan với giá 4,2 tỷ USD vào tháng 10/2005, cung cấp ống dẫn, nhưng các công ty dầu của Nga cũng sử dụng đường ống này để xuất khẩu dầu sang thị trường Trung Quốc.

2.2. Với Nga

Là quốc gia có trữ lượng dầu thô và khí đốt cực lớn trên thế giới (năm 2012, trữ lượng dầu thô của Nga là 88 tỷ thùng, khí đốt là 44.600 tỷ m³ - lớn nhất thế giới) (xem: 1) và dần phát triển trở thành quốc gia tăng trưởng dựa vào năng lượng, Nga là đối tác quan trọng hàng đầu đối với Trung Quốc tại khu vực châu Á (khi xét đến đặc thù địa lý là các mỏ khí đốt và dầu mỏ của Nga tập trung rất nhiều ở vùng Viễn Đông). Việc hai nước gác lại những bất đồng và xác định trở thành thành viên của SCO cho

thấy sự quan tâm chung của cả hai trong việc cùng hợp tác để đối chọi với ảnh hưởng của Mỹ. Một trong những lĩnh vực hợp tác năng động nhất là hợp tác năng lượng. Tuy nhiên, điều cần chú ý là mặc dù hợp tác trở thành “âm điệu” chính trong quan hệ Nga - Trung trong lĩnh vực năng lượng nhưng cũng đã xuất hiện những cạnh tranh và phòng ngừa chủ động nhất định từ phía Nga.

Sự cạnh tranh đến từ việc Trung Quốc có ảnh hưởng ngày càng lớn tại Trung Á - “sân sau” của Nga. Trước khi Trung Quốc tăng cường quan hệ với các nước tại khu vực này, các nhà sản xuất năng lượng Trung Á chủ yếu phụ thuộc vào thị trường Nga, mang lại cho Nga nhiều lợi ích kinh tế to lớn và ảnh hưởng chính trị đối với khu vực. Nhưng sau khi Trung Quốc xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu và gas, mở ra cho những nước này lối đi riêng, không phụ thuộc vào Nga về dầu, khí và lớn hơn là độc lập với Nga, đã khiến cho cuộc cạnh tranh giữa các nước thêm phần quyết liệt. Việc Trung Quốc đầu tư hơn 4,2 tỷ USD vào PetroKazakhstan và với đường ống Kazakh chạy tới Trung Quốc chắc chắn sẽ làm mất đi thế độc quyền thu mua của Nga đối với Trung Á cũng như độc quyền bán từ các giếng dầu của Nga tại Viễn Đông sang Trung Quốc. Để đối phó với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, Nga đã thành lập hoặc củng cố nhiều tổ chức hợp tác tại Trung Á mà không cho phép có sự hiện diện của Trung Quốc như Tổ chức Hiệp ước An ninh tập thể (CSTO) - thành lập từ năm 1992 nhưng mới được đẩy mạnh hoạt động dưới thời Tổng thống Medvedev hay Liên minh thuế quan Nga - Kazakhstan - Belarus (tháng 7/2010).

Để ngăn ngừa tình trạng độc quyền mua tại Viễn Đông khiến lợi ích của Nga suy giảm, nước này đã lựa chọn giải pháp phát triển đường ống dẫn dầu và khí cho cả hai nước cạnh tranh là Nhật Bản và Nga. Khi Nhật Bản cũng bày tỏ quan tâm đến đường ống dẫn từ Nga sẽ đi qua Trung Quốc và chạm cảng phía Đông của Nga, cảng Nakhodka, sau một số lần trì hoãn, công ty độc quyền ống dẫn của Nga ESPO đã khởi công đường ống dẫn nối Đông Siberia - Thái Bình Dương vào tháng 4/2006. Đường ống dẫn này kéo dài 2.500 dặm từ thành phố Taishet của Nga đến Thái Bình Dương. 1.200 dặm đầu tiên đã hoàn tất năm 2009 và kéo đến Skovorodino, chỉ cách biên giới Trung Quốc 30 dặm để nối vào mỏ Đại Khánh của Trung Quốc. Nhánh thứ hai đi qua đoạn bờ biển Thái Bình Dương trên đất Nga để đến Nhật Bản.

2.3. Với Đông Nam Á

Myanmar có trữ lượng ước tính 3,2 tỷ thùng dầu (tương đương với trữ lượng của Việt Nam). Tháng 1/2007, Trung Quốc ký với Bộ năng lượng của Myanmar thỏa thuận khảo sát dầu và khí đốt trên diện tích 10.000 km² ở ngoài khơi bờ biển phía Đông của Myanmar. Công ty CNPC đã khởi công xây dựng một ống dẫn dầu dài 2.300 km để chở dầu nhập từ châu Phi và Trung Đông. Tuyến ống dẫn dầu này sẽ chạy thẳng từ cảng Sittwe đến Côn Minh (Vân Nam) và Trùng Khánh. Tổng kinh phí để xây dựng tuyến đường ống này là 1,5 tỷ USD. CNPC cũng dự trù xây một ống dẫn khí đốt dài 1.400 km giữa đảo Ramree và Côn Minh để chuyển tải 170 tỷ m³ khí đốt trong 30 năm với tổng kinh phí xây dựng là 1 tỷ USD.

2.4. Với Mỹ Latin

Tại Venezuela, năm 2007, Venezuela đồng ý thành lập một quỹ đầu tư chung cho các dự án hạ tầng trong nước và xây nhà máy lọc dầu tại Trung Quốc. Tháng 9/2009, Venezuela ký hợp đồng đầu tư 16 tỷ USD với CNPC để khảo sát dầu trong khu vực sông Orinoco nhằm tăng xuất khẩu dầu sang Trung Quốc lên 300.000 thùng/ngày. CNPC cũng đã đầu tư 300 triệu USD để dùng dầu Orimulsion trong các nhà máy điện.

Tại Argentina, năm 2003, CNPC đầu tư vốn vào công ty dầu và khí đốt Pluspetrol. Tháng 9/2009, CNPC đã trả ít nhất 17 triệu USD để mua lại 84% vốn của YPF, công ty dầu lớn nhất Argentina.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BP. BP Statistical Review of World Energy, 2012.
2. BP. World Energy Outlook, 2030.
3. Đỗ Tuyết Khanh. Chính sách khai thác tài nguyên của Trung Quốc. Tạp chí *Thời đại mới*, 2011, số 23.
4. E. Lim, M. Spence. Kinh tế Trung Quốc: Phát triển và chuyển đổi trong trung dài hạn - Suy ngẫm và kiến nghị từ góc độ quốc tế. H.: Trung Tín (tiếng Trung), 2011.
5. Bert Hofman, K. Labar. Structural Change and Energy Use: Evidence from China's Provinces, World Bank, China Working Paper Series, 2007, No.6.
6. IEA. China Worldwide Quest for Energy Security, 2000.
7. IEA. World Energy Outlook – China and India Insights, 2007.

(xem tiếp trang 46)